TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22 – 11 – 2021
V/v "Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Kiên Nhẫn

2. Ông Trần Văn Thơi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia

Trong ngày 22 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2021/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 3 năm 2021 về việc "Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/10/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 10/11/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1991 – vắng mặt

Địa chỉ: ấp Đ, xã N, huyện T, tỉnh V.

- *Bị đơn:* Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1988 – vắng mặt

Địa chỉ: ấp C, xã N, huyện T, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/3/2021, lời khai và các tài liệu, chứng cứ khác trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Văn N1 trình bày:

Anh N1 và chị P kết hôn với nhau vào năm 2013, hôn nhân do quen biết, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy bản nhân dân xã xã N, huyện T, tỉnh V. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 05 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nên anh N1 đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Tam Bình để giải quyết.

Tại Bản án số 126/2018/HN-ST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình quyết định chấp nhận cho anh N1 được ly hôn với chị P; về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 17/7/2014 cho chị P nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục; về cấp dưỡng nuôi con: Anh N1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu T1 mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi cháu T1 tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật được đưa ra thi hành.

Tuy nhiên khi giao cháu T1 cho chị P nuôi dưỡng được khoảng 6 tháng đến tháng 5 năm 2019 thì chị P đã giao cháu T1 lại cho anh N1 nuôi dưỡng và chị P đã bỏ địa phương đi không thường xuyên về để chăm sóc cháu T1 cho đến nay. Nay anh N1 yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn đối với cháu Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 17/7/2014.

Bị đơn là chị P: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 196, 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự cho chị P, nhưng chị P không có ý kiến gì bằng văn bản và vắng mặt đến lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do vậy, Tòa án căn cứ vào điểm d khoản 3 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Các tài liệu, chứng cứ của vụ án: Đã được Tòa án công khai tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 09/7/2021.

- Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

+ Về hôn nhân: Bản án số 126/2018/HN-ST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình quyết định chấp nhận cho anh N1 được ly hôn với chị P.

+ Về con chung: Căn cứ vào bản sao Giấy khai sinh được Uỷ ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh V cấp ngày 28/11/2014 cháu Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 17/7/2014 là con chung của anh N1 và chị P.

- Các tình tiết, sự kiện mà các bên đương sự thống nhất, không thống nhất:

Trong quá trình giải quyết vụ án chị P không có ý kiến bằng văn bản và vắng mặt, do đó không xác định được sự thống nhất và không thống nhất của các đương sự trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ và ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của anh Nguyễn Văn N1 thì quan hệ pháp luật tranh chấp là "Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn" theo quy định tại khoản 3 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Kim P đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

Ngày 27/10/2021 anh Nguyễn Văn N1 có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh N1 theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu của đương sự:

Trước đây giữa anh Nguyễn Văn N1 với chị Nguyễn Thị Kim P là hôn nhân hợp pháp. Do cuộc sống chung của anh N1 chị P không có hạnh phúc nên đã ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Tam Bình. Tại Bản án số 126/2018/HN-ST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình đã quyết định cho anh N1 được ly hôn với chị P; về con chung giao cháu Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 17/7/2014 cho chị P nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục. Sau khi ly hôn chị P trực tiếp nuôi con chung cháu T1 được khoảng 6 tháng, đến tháng 5 năm 2019 thì chị P đã giao cháu T1 lại cho anh N1 nuôi dưỡng và chị P đã bỏ địa phương đi không thường xuyên về để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1 cho đến nay. Trong thời gian chị P bỏ đi cho đến nay cháu T1 đều do anh N1 là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Tại bản tự khai ngày 27/10/2021 của cháu T1 cung cấp cho Tòa án thì cháu T1 có nguyện vọng được sống với anh N1. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của anh N1 phù hợp với điều kiện thực tế, phù hợp với nguyện vọng của cháu T1 và phù hợp với quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử giao con chung Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 17/7/2014 cho anh N1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại Bản án số 126/2018/HN-ST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình đã quyết định về cấp dưỡng nuôi con: Anh N1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu T1 mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi cháu T1 tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật được đưa ra thi hành. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, do yêu cầu của anh N1 được quyền nuôi cháu T1 được chấp nhận nên anh N1 không phải cấp dưỡng nuôi cháu T1 kể từ tháng 5 năm 2019.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh N1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Chị P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Văn N1.

1.1. Giao con chung Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 17/7/2014 cho anh N1 trực tiếp nuôi dưỡng.

1.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh N1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Chị P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

1.2.Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh N1 nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ, được khấu trừ vào số tiền anh N1 tạm nộp án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010958 ngày 29/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình nên anh N1 không phải nộp thêm.

2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3.Về quyền kháng cáo: Anh N1, chị P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Nguyễn Văn Cảnh